TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆTNAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/HS-PT
Ngày: 09-01-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Ngọc Thắng

Các Thẩm phán:

1. Bà Phạm Uyên Thy

2. Ông Trần Minh Châu

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đặng Thị Mỹ Phượng

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Ông Lê Trung Tuấn - Kiểm sát viên

Trong ngày 09 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 601/2017/HSPT ngày 26/10/2017 đối với các bị cáo Nguyễn Ngọc Q và Nguyễn Vũ H do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 155/2017/HSST ngày 19/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Ngọc Q, giới tính: nam; sinh năm 1974 tại B; trú tại: phường A, thành phố B, tỉnh B; chỗ ở: không nơi cư trú nhất định; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: không; con ông Nguyễn Ngọc L và con bà Chung Hải K; hoàn cảnh gia đình: bị cáo có vợ và 01 người con (sinh năm 2006); tiền án, tiền sự; không;

Bị cáo bắt tạm giam ngày 18/12/2015 (có mặt tại phiên tòa).

2. Nguyễn Vũ H, giới tính: nam; sinh năm 1997 tại C; trú tại: phường D, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: không nơi cư trú nhất định; trình độ học vấn: 3/12; nghề nghiệp: không; con ông Nguyễn Văn M và con bà Nguyễn Thị N; hoàn cảnh gia đình: bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bắt tạm giam ngày 13/8/2015 (có mặt tại phiên tòa).

- Các bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, không bị kháng nghị: Nguyễn Thị Dung H1, Dương Văn P, Nguyễn Thị Hồng L1, Lê Văn O và Huỳnh Công G.

- Người bào chữa cho bị cáo:

1. Luật sư A1 làm việc tại Văn phòng luật sư X và Luật sư A2 làm việc tại Chi nhánh HVL của Công ty hợp danh X1 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh cùng bào chữa cho bị cáo Nguyễn Ngọc Q (Các Luật sư có mặt tại phiên tòa).

2. Luật sư A3 làm việc tại Chi nhánh Văn phòng luật sư X2 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Nguyễn Vũ H (Luật sư A3 có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 6/2015, Nguyễn Ngọc Q thuê nhà nghỉ Y, ở địa chỉ xã U, huyện I, Thành phố Hồ Chí Minh để ở và cùng đồng bọn sử dụng ma túy. Nhà nghỉ này do bà B1 làm chủ nhưng bà B1 giao cho Lê Văn O là nhân viên lễ tân trực tiếp quản lý nhà nghỉ. Trong thời gian ở tại đây, Q mua ma túy của một người phụ nữ tên B2 (không rõ lai lịch) ở khu vực Quận X3, rồi mang về chia nhỏ để bán kiếm lời, cứ 2 – 3 ngày Q lại mua ma túy một lần. Phụ giúp Q trong việc mua bán ma túy thì có Nguyễn Vũ H và Nguyễn Thị Dung H1, các đối tượng này đã nhiều lần mua bán ma túy theo yêu cầu của Q, được Q trả công bằng việc cho tiền và ma túy để sử dụng. Trong quá trình Q và nhóm bạn sử dụng ma túy tại nhà nghỉ Y thì bị O phát hiện, lần đầu là khoảng tháng 7/2015, khi O đem nước uống vào phòng cho Q, khi đó O có nhắc nhở không được sử dụng ma túy tại nhà nghỉ nhưng Q vẫn tiếp tục sử dụng. Đến khoảng đầu tháng 8/2015, khi Q cùng với L1, H và một số người khác đang sử dụng ma túy tại nhà nghỉ thì O vô sửa máy lạnh nên nhìn thấy sự việc nhưng lần này thì O không nói gì.

Vào ngày 13/8/2015, có một người không rõ lai lịch điện thoại cho H hỏi mua 300.000 đồng ma túy nên H đã nói lại cho Q nghe. Tiếp đó Q đưa cho H1 gói ma túy 300.000 đồng để H1 và H đi giao cho người mua, đồng thời Q cũng đưa cho H1 01 gói ma túy để chia ra thành 09 gói nhỏ để bán khi có ai hỏi mua, sau khi phân chia xong thì H1 bỏ số ma túy trên vào túi áo khoác. Sau đó H điều khiển xe mô tô 54N9-9001 chở H1 đi giao ma túy cho người mua thì khi đến trước nhà số D5/36 đường I1 – Y1 thuộc xã R1, huyện I thì bị công an xã R1 kiểm tra, phát hiện trong túi xách của H1 có 02 gói nylon hàn kín chứa tinh thể rắn không màu và trong túi áo khoác bên trái của H1 có 10 gói nylon hàn kín chứa tinh thể rắn không màu mà H1, H khai nhận là ma túy nên tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, chuyển H1, H cùng vật chứng đến Công an huyện I xử lý.

Sau khi H1, H bị bắt thì Q chuyển đến khu vực quận E sinh sống và tiếp tục hoạt động mua bán ma túy. Q mua ma túy của người đàn ông tên B3 ở khu vực xã R2, huyện I, mỗi lần Q mua 3.500.000 đồng, rồi chia nhỏ ra bán kiếm lời. Trong thời gian này thì có Dương Văn P, Nguyễn Thị Hồng L1 và một đối tượng tên B4 (không rõ lai lịch) phụ Q bán ma túy và các đối tượng này đã thực hiện nhiều lần, đổi lại thì các đối tượng này được Q cho tiền và cho ma túy để sử dụng.

Ngày 01/12/2015, Huỳnh Công G điện thoại cho Q để mua 06 gói ma túy với giá 800.000 đồng. Q hẹn địa điểm mua bán tại khu vực phường R4, quận E, rồi Q kêu B4 đi giao ma túy cho G. Sau khi nhận ma túy từ B4 thì G mang số ma túy trên về cất giấu tại nhà riêng (tại xã X1, huyện A) để sử dụng, nhưng chưa kịp sử dụng thì bị công an xã X1 kiểm tra phát hiện, bắt quả tang và chuyển G cùng vật chứng đến Công an huyện A xử lý.

Đến trưa ngày 17/12/2015, có một đối tượng tên B6 điện thoại cho Q đặt mua ½ hộp 05 ma túy với giá 2.200.000 đồng và hẹn địa điểm giao dịch tại khu vực xã R, huyện A nên Q đưa ma túy cho L1 rồi kêu L1 đi giao cho B6. Sau đó, L1 đưa ma túy cho P giữ và P điều khiển xe mô tô 51T5-0683 chở L1 đi giao. Khi đi đến đường X6 thuộc xã U, huyện I thì bị công an xã U kiểm tra, phát hiện, bắt quả tang trong lai tay áo phải của P có 02 gói nylon chứa tinh thể rắn không màu và trong người L1 có 01 gói nylon chứa tinh thể rắn không màu, cả hai khai nhận là ma túy tổng hợp nên tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, rồi chuyển P và L1 cùng vật chứng đến Công an huyện I xử lý. Sau đó, Công an huyện I tiến hành bắt khẩn cấp, khám xét nơi ở của Nguyễn Ngọc Q tại khách sạn Y1, phường U1, quận E và thu giữ 01 gói nylon chứa tinh thể rắn không màu mà Q khai nhận là ma túy.

Căn cứ Kết luận giám định số 1563, ngày 03/12/2015 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận:

Gói 1: Tinh thể không màu trong 02 gói nylon thu giữ từ Nguyễn Thị Dung H1 có trọng lượng 4,6308 gram không tìm thấy thành phần các chất ma túy thường gặp.

Gói 2: Tinh thể không màu trong 10 gói nylon thu giữ từ Nguyễn Thị Dung H1 có trọng lượng 1,400 gram có chứa thành phần Methamphetamine (MA), hàm lượng 76,82%.

Căn cứ kết luận giám định số 100, ngày 23/3/2016 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận:

Gói 1: Tinh thể không màu trong 01 gói nylon thu giữ từ Huỳnh Công G có trọng lượng 1,4184 gram có chứa thành phần Methamphetamine (MA), hàm lượng 75%.

Căn cứ Kết luận giám định số 215 ngày 29/02/2016 và Công văn số 187 ngày 19/10/2016 về việc giải thích từ ngữ trong Kết luận giám định số 215 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận:

Gói 1: Tinh thể không màu trong 02 gói nylon thu giữ từ Dương Văn P có trọng lượng 2,6476 gram, loại Methamphetamine (MA).

Gói 2: Tinh thể không màu trong 01 gói nylon thu giữ từ Nguyễn Thị Hồng L1 có trọng lượng 0,0577 gram, loại Methamphetamine (MA).

Gói 3: Tinh thể không màu trong 01 gói nylon thu giữ từ Nguyễn Ngọc Q có trọng lượng 0,2651 gram, loại Methamphetamine (MA).

Theo Bản án hình sự sơ thẩm số 155/2017/HSST ngày 19/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Ngọc Q, Nguyễn Vũ H phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

- Áp dụng điểm b khoản 2 và khoản 5 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã sửa đổi bổ sung năm 2009);

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Q 12 (mười hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/12/2015.

Buộc bị cáo nộp phạt 10.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

- Áp dụng điểm b khoản 2 và khoản 5 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã sửa đổi bổ sung năm 2009);

Xử phạt bị cáo Nguyễn Vũ H 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 13/8/2015.

Buộc bị cáo nộp phạt 5.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

Ngoài ra, bản án còn tuyên phạt Nguyễn Thị Dung H1, Dương Văn P cùng mức án 07 năm 06 tháng tù, Nguyễn Thị Hồng L1 mức án 07 năm tù cùng về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", tuyên phạt Lê Văn O 04 năm 06 tháng tù về tội "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy" và tuyên phạt Huỳnh Công G 02 năm 06 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; đồng thời cũng tuyên về hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 19/9/2017 Tòa án xét xử sơ thẩm, đến ngày 25/9/2017 bị cáo Nguyễn Ngọc Q có đơn kháng cáo vì cho rằng hình phạt đối với bị cáo là quá nặng và vụ án còn nhiều khuất tất chưa được làm rõ; ngày 28/9/2017, bị cáo Nguyễn Vũ H làm đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Nguyễn Vũ H khai nhận hành vi vi phạm của mình như nội dung bản án sơ thẩm đã thể hiện và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Nguyễn Ngọc Q cho rằng mình không phạm tội và bị oan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: sau khi phân tích tính chất, mức độ, hậu quả hành

vi phạm tội do các bị cáo thực hiện xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo Nguyễn Vũ H là có căn cứ, đúng người, đúng tội, mức hình phạt là thỏa đáng nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên mức hình phạt đối với bị cáo H. Về phần bị cáo Nguyễn Ngọc Q, do quá trình điều tra, truy tố, xét xử có nhiều vi phạm nghiêm trọng trong thủ tục tố tụng nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy một phần bản án sơ thẩm đối với các vấn đề liên quan đến bị cáo Q.

Luật sư A1 bào chữa cho bị cáo Nguyễn Ngọc Q đều cho rằng quá trình thu thập chứng cứ có vi phạm nghiêm trọng, các biên bản đối chất không thực hiện đúng, chưa làm rõ được số ma túy thu giữ khi bắt quả tang Nguyễn Vũ H, Nguyễn Thị Dung H1 là của Q, việc lập biên bản khám xét, biên bản thu giữ vật chứng đối với bị cáo Q có sự mâu thuẫn về thời gian nên đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong quá trình điều tra vụ án. Do đó, luật sư đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để đảm bảo việc điều tra, xét xử vụ án được toàn diện, khách quan.

Luật sư A2 bào chữa cho bị cáo Nguyễn Ngọc Q đồng ý với quan điểm bào chữa của luật sư A1 về việc trong quá trình điều tra có nhiều vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm. Ngoài ra, luật sư A2 cũng cho rằng vai trò của bị cáo Nguyễn Thị Dung H1 cao hơn bị cáo Nguyễn Vũ H nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo H1 và bị cáo H cùng mức án 07 năm 06 tháng tù là chưa tương xứng với vai trò của hai bị cáo.

Luật sư A3 bào chữa cho bị cáo Nguyễn Vũ H đồng ý về tội danh "Mua bán trái phép chất ma túy" mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo H, và luật sư cho rằng có một số sai sót trong quá trình điều tra nên cần hoãn phiên tòa để triệu tập một số người nhằm làm rõ thêm vụ án. Nếu trường hợp không hoãn phiên tòa được thì Luật sư A3 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo H rằng bị cáo phạm tội do hoàn cảnh và trình độ nhận thức pháp luật kém, vai trò phạm tội của bị cáo H cũng có phần hạn chế, bà ngoại của bị cáo có chồng và con là Liệt sĩ nên thuộc diện được Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng. Do đó, Luật sư A3 đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng và các tình tiết giảm nhẹ vừa trình bày tại phiên tòa để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H.

Trong phần tranh luận, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm của mình về đề nghị hủy một phần bản án sơ thẩm đối với bị cáo Q, nhưng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Ngày 19/9/2017, Tòa án xét xử sơ thẩm, đến ngày 25/9/2017 bị cáo Nguyễn Ngọc Q có đơn kháng cáo vì cho rằng hình phạt đối với bị cáo là quá nặng và vụ án còn nhiều khuất tất chưa được làm rõ; ngày 28/9/2017, bị cáo

Nguyễn Vũ H làm đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Xét thấy đơn kháng cáo của các bị cáo là trong hạn luật định nên hợp lệ.

[2] Căn cứ vào tang vật thu giữ cùng với lời khai của bị cáo Nguyễn Vũ H và lời khai của các bị cáo khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở xác định: Vào ngày 13/8/2015, có người điện thoại cho Nguyễn Vũ H đặt mua ma túy với giá tiền là 300.000 đồng, sau đó H điều khiển xe mô tô biển số 54N9-9001 chở H1 đi giao ma túy, khi đến trước số nhà D5/36 đường I1 – Y1 thuộc xã R1, huyện I thì bị Công an xã R1 kiểm tra, bắt giữ người cùng với ma túy. Sau khi giám định thì số ma túy thu giữ này có trọng lượng là 4,6308 gram không tìm thấy thành phần các chất ma túy thường gặp và 1,400 gram có chứa thành phần Methamphetamine (MA), hàm lượng 76,82%. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo H về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009 là có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Trong quá trình điều tra đã xác định được bị cáo H mua bán ma túy nhiều lần nên Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009 để xét xử bị cáo H là có cơ sở.

[3] Hành vi của bị cáo H là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến sự quản lý độc quyền của Nhà nước về chất ma túy. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý phạm tội. Việc mua bán ma túy cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến làm tăng tệ nạn nghiện ngập và phát sinh nhiều loại tội phạm nguy hiểm khác, do đó cần có mức hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa.

[4] Khi lượng hình, Hội đồng xét xử xem xét đến hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hoàn cảnh và nhân thân của bị cáo. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết thật thà khai báo, ăn năn hối cải để giảm nhẹ cho bị cáo H một phần hình phạt. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy bị cáo H có trình độ học vấn thấp (3/12) và tại phiên tòa phúc thẩm, Luật sư bào chữa cho bị cáo cung cấp thêm tình tiết gia đình bị cáo H thuộc diện cận nghèo nên cần áp dụng thêm khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009 cho bị cáo. Trong vụ án này, bị cáo Nguyễn Vũ H và bị cáo Nguyễn Thị Dung H1 đều phạm tội nhiều lần nhưng vai trò phạm tội của bị cáo H có phần thấp hơn so với bị cáo H1 và với các tình tiết giảm nhẹ nêu trên xét thấy có cơ sở giảm nhẹ mức án cho bị cáo H. Riêng tình tiết Luật sư nêu tại phiên tòa về việc bà ngoại của bị cáo H thuộc trường hợp được Nhà nước phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng, nhưng không có chứng cứ gì để chứng minh nên không có cơ sở xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo H và chấp nhận một phần lời trình bày của luật sư bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm.

[5] Đối với bị cáo Q, trong đơn kháng cáo thì bị cáo cho rằng mức án cấp sơ thẩm xử bị cáo là quá nặng và có nhiều khuất tất chưa được làm rõ, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cho rằng mình bị oan. Xét thấy trong quá trình điều tra đã đối chất giữa bị cáo Dương Văn P với bị cáo Nguyễn Ngọc Q được thực

hiện vào ngày 18/12/2015 tại Công an huyện Bình Chánh (Bút lục 92) và Biên bản mở niêm phong giao nhận đối tượng giám định cũng được lập vào ngày 18/12/2015 tại PC54 có chữ ký và dấu vân tay của các bị cáo Dương Văn P, Nguyễn Thị Hồng L1, Nguyễn Ngọc Q (Bút lục 131) có sự trùng lắp về thời gian, nhưng lại diễn ra ở hai địa điểm cách xa nhau là chưa phù hợp. Do đó để đảm bảo tính khách quan cho việc giải quyết vụ án cần phải tiến hành đối chất lại, nhưng không thể khắc phục tại phiên tòa phúc thẩm được. Ngoài ra, tại phiên tòa sơ thẩm ngày 13/4/2017 các bị cáo đều trình bày rằng Cơ quan điều tra chưa tiến hành đối chất, và tại phiên tòa phúc thẩm, cả bị cáo H và bị cáo Q cũng xác định rằng không có việc đối chất. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy các vi phạm về việc đối chất liên quan đến bị cáo Q là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên cần hủy một phần bản án liên quan đến bị cáo Q để điều tra, truy tố, xét xử lại theo thủ tục chung.

[6] Về phần hình phạt bổ sung, Hội đồng xét xử xét thấy gia đình bị cáo Nguyễn Vũ H thuộc diện cận nghèo, do đó không cần áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Lập luận trên đây cũng là căn cứ để chấp nhận lời trình bày của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và một phần lời trình bày của các luật sư bào chữa tại phiên tòa.

[8] Đối với các bị cáo Nguyễn Thị Dung H1, Dương Văn P, Nguyễn Thị Hồng L1, Huỳnh Công G bị bắt quả tang khi thực hiện hành vi phạm tội và các bị cáo không kháng cáo, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa không xem xét.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Vũ H và sửa bản án sơ thẩm.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009;

Xử phạt: **Nguyễn Vũ H** 07 (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 13/8/2015.

Căn cứ vào Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Hủy một phần án hình sự sơ thẩm số 155/2017/HSST ngày 19/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh về tội danh, hình phạt chính, hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng, án phí đối với và liên quan đến bị cáo Nguyễn Ngọc Q để điều tra, truy tố, xét xử lại theo thủ tục chung.

Giao toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh để chuyển ngay cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh thực hiện việc điều tra, truy tố, xét xử lại theo thủ tục chung.

- Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Án phí hình sự phúc thẩm: các bị cáo không phải nộp.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Ngọc Thắng

Nơi nhận:
- TAND Tối cao; (1)
- TAND Cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- VKSND huyện Bình Chánh; (1)
- P.PC 53- CATP; (1)
- Bị cáo; (2)
- Trại giam; (2)
- Người bào chữa; (3)
- THA huyện Bình Chánh; (2)
- TAND huyện Bình Chánh; (2)
- Công an huyện Bình Chánh; (1)
- UBND nơi BC cư trú; (2)
- Sở Tư pháp; (1)
- Lưu, Tòa Hình sự, hồ sơ (26) (4)